TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** TỈNH ĐẮKLẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2022/HSST
Ngày 09/03/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮKLẮK

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Ngọc Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Hương và bà Trần Thị Thanh Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09/03/2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh ĐắkLắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2022/TLST-HS, ngày 27 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/HSST - QĐ ngày 25/02/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **H G Ayũn**; tên gọi khác: không. Sinh năm: 1985 tại: tỉnh Đăk Lăk;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Buôn T, xã E H, huyện CM, tỉnh Đăk Lăk

Nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Ê Đê; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Y Bliăp Niê, sinh năm 1958; Con bà: H Mah Ayũn, sinh năm 1952, hiện ông bà đang sinh sống Buôn Trắp, xã Ea Hđing, huyện Cư Mgar, tỉnh Đăk Lăk; Bị cáo có chồng là Y Ha Niê, sinh năm 1979; bị cáo có 04 người con, hiện chồng và các con đang sinh sống tại Buôn Trắp, xã Ea Hđing, huyện Cư Mgar, tỉnh Đăk Lăk. Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2021 đến nay. Hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Bà H P Byã (có mặt)

Nơi cư trú: Buôn T, xã CM, huyện Cư M, tỉnh Đăk Lăk

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Y H Niê – Sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: Buôn T, xã EH, huyện CM, tỉnh Đăk Lăk

* Người làm chứng: Ông Xa Văn P (có mặt)
Nơi cư trú: Buôn T, xã CM, huyện CM, tỉnh Đăk Lăk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2016, do cần tiền để trang trải cuộc sống và trả nợ cho người khác nên H G Ayŭn đã thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân bản gốc mang tên H G Ayŭn; 01 giấy chứng minh nhân dân bản gốc mang tên Y H Niê để mượn số tiền 200.000.000đ của bà H Prit Byă, hai bên có viết giấy mượn tiền và H G sử dụng hết số tiền này vào mục đích cá nhân.

Sau đó H G tiếp tục cần tiền và nhớ trước đây có nghe một số người dân nói người phụ nữ tên H nhà ở thị xã Buôn Hồ là người có khả năng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên H G đã liên lạc, trao đổi với H nhờ H làm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, hai bên thỏa thuận với số tiền 30.000.000đ. Sau khi thống nhất xong thì H G đưa cho Hồng các giấy tờ gồm: 01 Giấy chứng minh nhân dân phô tô mang tên H G Ayŭn, Giấy chứng minh nhân dân phô tô, mang tên Y H Niê và sổ hộ khẩu phô tô của gia đình H Gle cho H. Sau một thời gian, khoảng tối ngày 30/9/2016 Hồng hẹn H G ra cầu Thuế vụ thuộc xã Quảng Tiến, huyện Čư M'gar để lấy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất giả mà H G đã đặt làm. Tại đây H G gặp hai người đàn ông lạ mặt, đeo khẩu trang, đi xe ô tô con (không nhớ đặc điểm và biển số) đưa cho H G 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BE449610, nội dung trong giấy này có ghi thông tin: "Thửa đất số 85, tờ bản đồ số 8, diện tích:16.880m^2, tọa lạc tại xã EaHđing, huyện Čư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đề ngày 20/12/2015, có đóng dấu mộc đỏ tròn tên UBND huyện Čư M'gar đề tên Trương Văn C là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Čư M'gar, mang tên chủ sở hữu là Y H Niê (sinh năm 1978, CMND số: 240634740) và H G Ayŭn (sinh năm 1985, CMND số: 240764300, cùng địa chỉ thường trú: Buôn T, xã EH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk) và ở trang 3, phần IV- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận- Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý có dòng chữ bằng bút bi, nội dung: "Năm sinh của ông Y H NIÊ có sai sót nay đính chính lại năm sinh là 1979 theo hồ sơ số 00352/23/12/2016" và ở phần xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, KT.Giám đốc-Phó Giám đốc, chữ ký, đóng dấu tên Triệu Văn L và đóng dấu mộc đỏ tròn tên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Čư M'gar. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên thì H G đưa cho hai người thanh niên số tiền 30.000.000đ.

Sáng ngày 01/10/2016, H G đến nhà bà H P mượn số tiền 50.000.000đ và có đưa cho bà H P Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất làm giả nêu trên để cầm làm tin. Khi bà H P thấy H G đưa Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cầm làm tin thì tin tưởng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất này là thật nên đã đưa cho H G mượn số tiền 50.000.000đ . Sau đó bà H P có nhờ chồng là Xa Văn P viết giấy mượn tiền giúp bà H P và H G. Trước đó H G có mượn của bà H P số tiền 200.000.000đ và vẫn chưa trả nên bà H P thống nhất với H G xé bỏ giấy mượn tiền vào tháng 9/2016 số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để viết gộp lại thành một giấy mượn tiền đề ngày 01/10/2016 thể hiện H G mượn của H P số tiền

250.000.000đ hẹn đến ngày 20/12/2016 sẽ trả, để bà H P dễ quản lý nợ với H G. Khi mượn được số tiền 50.000.000đ thì H G có đưa cho bà H P số tiền 5.000.000đ là tiền công của việc H P cho H G mượn số tiền 200.000.000đ trước đó, H G cầm số tiền 45.000.000đ và sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Về phía bà H P, thấy quá thời hạn trả nợ nhưng H G vẫn không trả số tiền 250.000.000đ đồng thời phát hiện Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mà H G đưa là giấy tờ giả nên đã làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Công an.

Qua xác minh thì H G Ayũn và chồng là Y H Niê không đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào trên địa bàn huyện Ćư M'gar.

Tại Bản kết luận giám định số: 466/PC09, ngày 11/5/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định:

- Phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE449610 là giả.

- Hình dấu tròn có nội dung "U.B.N.D HUYỆN CƯMGAR-TỈNH ĐẮK LẮK "trên☆mẫu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh, không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN CƯMGAR ☆VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK" trên mẫu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh, không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên Trương Văn C trên mẫu cần giám định so với chữ ký của Trương Văn C trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Triệu Văn L trên mẫu cần giám định so với chữ ký của Triệu Văn L trên mẫu so sánh, không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ viết mang tên H G Ayũn dưới mục "bên mượn" trên mẫu cần giám định so với chữ viết của H G Ayũn trên mẫu so sánh, do cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 50/KLGĐ-PC09 ngày 07/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 240634740 mang tên Y H Niê đề ngày 20 tháng 3 năm 2002 là thật.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 240764300 mang tên H G Ayũn đề ngày 24 tháng 8 năm 2001 là thật.

- Sổ hộ khẩu gia đình HSHK số K1506 chủ hộ mang tên Y H Niê là thật

Tại Bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 26/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã truy tố bị cáo H G Ayũn về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và "Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo H G Ayũn đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; đồng thời giữ nguyên quyết định

truy tố đối với bị cáo H G Ayũn như nội dung cáo trạng và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo H G Ayũn phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và "Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Áp dụng khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo H G Ayũn mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo H G Ayũn mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 01 giấy mượn tiền đề ngày 01/10/2016 bên mượn H G Ayũn, bên cho mượn H P Byă; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE449610 là vật chứng của vụ án, đồng thời là tài liệu giám định nên được thống kê lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 240634740 mang tên Y H Niê đề ngày 20 tháng 3 năm 2002; 01 giấy chứng minh nhân dân số 240764300 mang tên H G Ayũn đề ngày 24 tháng 8 năm 2001; Sổ hộ khẩu số K1506 chủ hộ mang tên Y H Niê là giấy tờ tùy thân của H G Ayũn và chồng là Y H Niê, sau khi đưa các giấy tờ này cho bà H P để làm tin vay tiền thì H G và chồng là Y H Niê đã làm lại, gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân số 240634740 mang tên Y H Niê đề ngày 06 tháng 02 năm 2018, 01 giấy chứng minh nhân dân số 240764300 mang tên H G Ayũn đề ngày 01 tháng 9 năm 2018, 01 sổ hộ khẩu số K1484 chủ hộ mang tên Y H Niê. Do vậy các giấy tờ trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc H G Ayũn phải trả bà H P Byă số tiền 50.000.000đ. Đối với số tiền 200.000.000đ mà H G Ayũn mượn của bà H P Byă thì bà H P Byă được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, các con của bị cáo đang còn nhỏ không ai chăm sóc.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ trong vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều

tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo H G Ayŭn đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Mgar đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Khoảng tháng 9/2016 do thiếu tiền tiêu xài nên H G thuê người phụ nữ tên H (không rõ nhân thân lại lịch) làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE449610 với giá 30.000.000đ và mang đến thế chấp cho bà H P Byă để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 50.000.000đ. Sau đó, bà H P phát hiện Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mà H G đưa là giả nên đã làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Công an.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viên kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo H Glen về tội Làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 267 và điểm e, khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

.....

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;"

Tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

"1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm."

Tuy nhiên, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là gây bất lợi cho bị cáo. Vì tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định "*Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị Quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội ngày 20/6/2017 để xét xử có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo H G Ayŭn về "Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" là phù hợp.

Đối với "tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản", Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, Hội

đồng xét xử xét thấy tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tương đương nhau nên Hội đồng xét xử áp dụng c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là phù hợp.

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Cơ quan Nhà nước, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Bản thân bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi, thiếu ý thức tôn trọng pháp luật nên vẫn cố ý vi phạm. Hành vi của bị cáo cần phải được xử lý một cách kịp thời và nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt cho xã hội mà còn là biện pháp răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét về nhân thân, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm là người dân tộc thiểu số. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 nên cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Với tính chất mức độ hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo mình thành công dân sống tôn trọng pháp luật, ngoài ra còn mục đích răn đe phòng ngừa chung về tội phạm.

[5] Đối với người phụ nữ tên H nhận làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE449610 và hai người đàn ông đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE449610 giả cho H G, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Čư M’gar đã tiến hành điều tra, xác minh tuy nhiên đến nay vẫn chưa xác định rõ nhân thân lai lịch của những đối tượng này. Vì vậy tách ra và tiếp tục xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sư: Đối với số tiền 200.000.000đ thì H G mượn của bà H P Byă trước thời điểm H G làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE449610; Và việc vay mượn giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, các giấy tờ mà H G đưa bà H P làm tin gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân bản gốc mang tên H G Ayŭn; 01 giấy chứng minh nhân dân bản gốc mang tên Y H Niê đều là giấy tờ thật; Mục đích vay mượn của H G là tiêu xài cá nhân chứ không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp; Sau khi vay mượn số tiền này thì H G vẫn làm ăn, sinh sống tại địa phương; Việc ghi số tiền 200.000.000đ này cùng với số tiền 50.000.000đ vào cùng một tờ giấy 250.000.000đ đề ngày 01/10/2016 là nhằm mục đích thuận lợi bên cho vay quản lý nợ. Do vậy số tiền 200.000.000đ mà H G Ayŭn vay của bà H P Byă là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu phạm tội.

Như vậy, việc bị cáo H G Ayŭn dùng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE449610 thế chấp cho bà

H P Byă để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 50.000.000đ nên buộc bị cáo H G Ayŭn phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 50.000.000đ cho bà H P Byă.

Đối với số tiền 200.000.000đ, H G Ayŭn vay của H P Byă dùng vào việc là tiêu xài cá nhân chứ không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên bà H P Byă có quyền khởi kiện H G Ayŭn bằng một vụ án dân sự.

[7] ***Xử lý vật chứng:***

- Đối với 01 giấy mượn tiền đề ngày 01/10/2016 bên mượn H G Ayŭn, bên cho mượn H P Byă; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE449610 là vật chứng của vụ án, đồng thời là tài liệu giám định nên được thống kê lưu trong hồ sơ vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy: Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 240634740 mang tên Y H Niê đề ngày 20 tháng 3 năm 2002; 01 giấy chứng minh nhân dân số 240764300 mang tên H G Ayŭn đề ngày 24 tháng 8 năm 2001; Sổ hộ khẩu số K1506 chủ hộ mang tên Y H Niê là giấy tờ tùy thân của H G Ayŭn và Y H Niê vì các giấy tờ này H G Ayŭn và Y H Niê đã làm lại.

[8] ***Về án phí*****:** Bị cáo H G Ayŭn phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo H G Ayŭn phạm tội "Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo H G Ayŭn **09** (chín) tháng tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

Xử phạt bị cáo H G Ayŭn **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Tổng hợp hình phạt bị cáo H G Ayŭn phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **03** (ba) năm **03** (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 10/9/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự và Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015;

Buộc H Glen Ayŭn phải có nghĩa vụ trả số tiền 50.000.000đ cho bà H P Byă.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng vào khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 240634740 mang tên Y H Niê đề ngày 20 tháng 3 năm 2002; 01 giấy chứng minh nhân dân số 240764300 mang tên H G Ayŭn đề ngày 24 tháng 8 năm 2001; Sổ hộ khẩu số K1506 chủ hộ mang tên Y H Niê.

(Hiện tang vật đang được lưu giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Mgar, đặc điểm tang vật theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/01/2022 giữa Cơ quan điều tra – Công an huyện Cư Mgar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Mgar)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo H G Ayũn phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Ngọc Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**